

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 23-7-2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Diệu Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: V, Khóm Q, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư H – Văn phòng luật sư X, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Y, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K, xã U, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

Tạm trú: Hộ không số (kể hộ 599), ấp P, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T, luật sư H có mặt tại phiên tòa. Anh Y vắng mặt không lý do.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Y tìm hiểu khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2003, nhưng đến ngày 04/01/2005 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi lấy nhau, thời gian đầu sống chung với cha mẹ ruột của chị T, đến năm 2005 thì ra ngoài thuê nhà trọ sống riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Y thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn, không phụ tiếp kinh tế cùng chị T để lo cho gia đình, không quan tâm chăm sóc, con cái. Chị T khuyên nhiều lần nhưng anh Y không nghe. Ngoài ra, khi nhậu nhẹt say xỉn anh Y còn có hành vi bạo lực đối với chị T, đập phá đồ đạc trong nhà, chị T có báo công an, nhưng không lập biên bản. Từ năm 2016, mặc dù còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau. Từ tháng 3/2018 cho đến nay thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn trở lại chung sống, chị T yêu cầu ly hôn anh Y.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên F, sinh ngày 17/12/2004 và Q, sinh ngày 12/01/2014. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi các con, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 08/4/2019, cháu F trình bày: Khi cha mẹ ly hôn, không sống chung với nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

* Về phí bị đơn Y đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa do Tòa án tổng đạt (niêm yết công khai) đúng theo luật định, nhưng anh Y cố tình vắng mặt, không đến phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Chị T và anh Y là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định. Thời gian đầu sau kết hôn thì sống chung với mẹ ruột của chị T, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không còn phù hợp, anh Y thường xuyên đi nhậu, không quan tâm chăm sóc con cái. Ngoài ra, anh Y còn có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng đến các con. Từ tháng 3/2018 cho đến nay, chị T và anh Y không còn sống chung với nhau, anh Y cũng không tới lui chăm sóc, phụ giúp kinh tế lo cho các con.

Về con chung thì từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dạy hai con. Các con chị T có sự phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Ngoài ra, để đảm bảo việc chăm sóc các con, chị T cũng đã thuê người giúp việc, phụ tiếp chị T trong việc chăm sóc, đưa rước các con chị T hàng ngày. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được sống chung với mẹ và em gái.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh Y. Về nuôi con chung đề nghị giao cho chị T được

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung sau ly hôn, phía chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Y đã trầm trọng, bản thân anh Y cũng không có mong muốn hàn gắn, hòa giải nên không đến tham dự phiên tòa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Về nuôi con chung: Hiện nay, hai con đang sống với chị T, nguyện vọng của cháu F cũng muốn sống với mẹ. Do đó, giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên F, sinh ngày 17/12/2004 và Q, sinh ngày 12/01/2014. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Xét thấy chị T và anh Y chung sống từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh Y chung sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không còn phù hợp, vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông với nhau trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái. Bản thân anh Y thường xuyên đi nhậu, không lo làm ăn, không phụ tiếp kinh tế cùng chị T để lo cho gia đình. Chị T khuyên nhiều lần nhưng anh Y không nghe. Ngoài ra, khi nhậu say xin anh Y còn có hành vi bạo lực đối với chị T làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị tổn thương, rạn nứt. Hơn nữa, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh Y cũng không tới lui để hàn gắn tình cảm với chị T.

Về phía anh Y có biết việc chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Y, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đến tham dự các buổi hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay. Như vậy, anh Y đã từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bản thân anh Y cũng không có mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị T nên

đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Do đó, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân anh Y cũng không có thành ý đến Tòa để hòa giải, đoàn tụ tiếp tục chung sống với chị T. Từ tháng 3/2018 đến nay, vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau, không quan tâm lo lắng cho nhau, nếu chị T và anh Y đoàn tụ tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc. Vì vậy, xét thấy việc chị T yêu cầu ly hôn anh Y là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con tên F, sinh ngày 17/12/2004 và Q, sinh ngày 12/01/2014. Xét thấy, hiện nay hai con của chị T và anh Y đang sống ổn định với chị T, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, nguyện vọng của cháu F cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao hai con cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu F và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho các cháu trong sinh hoạt, học tập. Về phía anh Y được quyền tới lui thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, chia nợ chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T. Cho ly hôn giữa chị Y và anh Y.

2. Về nuôi con chung:

- Chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên F, sinh ngày 17/12/2004 và Q, sinh ngày 12/01/2014. (Hiện nay hai con đang sống với chị T).

- Chị T không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Y có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp ngày 22/4/2019 theo biên lai thu số 0009566 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (02 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy